

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2743/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2024

V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Chu Mạnh Tường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2185/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251124/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3573/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lê Minh T năm 1974

Nơi thường trú: 179/1/18 Đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 300/39 N, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: bà Trần Thị Ngọc T1 năm 1976

Nơi thường trú: 179/1/18 Đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2023 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T2 trình bày

Ông Lê Minh T2 và bà Trần Thị Ngọc T3 tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới năm 1995, năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H,

quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, giữa ông Lê Minh T4 Trần Thị Ngọc T5 ra cãi vã, bà T3 có lời lẽ lớn tiếng với ông T2 trước mặt các con, bà T3 còn tới nơi làm việc của ông T2 có lời lẽ không hay, mâu thuẫn kéo dài. Nên vợ chồng bất hòa từ tháng 3/2023 ông T2 đã dọn ra khỏi nhà và đã ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau, ông T2 không còn tình cảm với bà Trần Thị Ngọc T6 ông yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Ngọc T3

Về con chung: Hai ông bà có 02 con chung tên Lê Minh H (nam), sinh ngày 08/6/1999 (đã trưởng thành), Lê Trần Gia H1 (nữ), sinh ngày 18/10/2011. Ly hôn ông Lê Minh Tâm g con chung Lê Trần Gia H1 cho bà Trần Thị Ngọc T3 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T2 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa;

[1] Nguyên đơn ông Lê Minh T2 có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

[2] Đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc T3: Quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cho đến hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và không bổ sung gì thêm. Đối với bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và trong phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không có mặt. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa ông Lê Minh T2 và bà Trần Thị Ngọc T3 phát sinh từ quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Lê Minh T2 có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T3 vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Minh T2 yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Ngọc T3.

Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Minh T2 và bà Trần Thị Ngọc T3 là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 219 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2009. Theo ông T2 thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông T2 và bà T3 bắt đầu từ năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, giữa ông T2 và T3 thường xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn kéo dài, năm 2023 ông T2 dọn ra sống riêng và ông bà đã ly thân. Nay vợ chồng ông không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nên ông T2 yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Ngọc T3 để ổn định cuộc sống.

Đối với ý kiến của bà Trần Thị Ngọc T3: Bà T3 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện, các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn phù hợp với các giấy khai sinh số 122, quyển 01/99 ngày 23/6/1999 của Ủy ban nhân dân phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp; giấy khai sinh số 651, quyển số 4 ngày 29/10/2011 của Ủy ban nhân dân phường H, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì có đủ căn cứ xác định giữa ông Lê Minh T2 và bà Trần Thị Ngọc T3 có 02 con chung tên Lê Minh H (nam), sinh ngày 08/6/1999, Lê Trần Gia H1 (nữ), sinh ngày 18/10/2011. Đối với con tên Lê Minh H (nam), sinh ngày 08/6/1999 (đã trưởng thành), nên HĐXX không xét. Đối với trẻ Lê Trần Gia H1 thì khi ly hôn ông Tâm g trẻ Lê Trần Gia H1 cho bà T3 trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục, vì bà T3 hiện đang nuôi dưỡng trẻ, cũng phù hợp với điều kiện chăm sóc nuôi dạy trẻ. Mặc dù lời khai của trẻ là muốn được sống với ba mẹ. Xét thấy, từ khi ông T2 bà T3 ly thân đến nay bà T3 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, do về thời gian đưa đón trẻ đi học và việc chăm sóc cho trẻ thuận tiện nên trẻ Lê Trần Gia H1 cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, điều này cũng phù hợp, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con tên Lê Trần Gia H1. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức và trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện, bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[2.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T2 được ly hôn bà Trần Thị Ngọc T3.

1.2 Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh H (nam), sinh ngày 08/6/1999 (đã trưởng thành), Lê Trần Gia H1 (nữ), sinh ngày 18/10/2011.

Giao con chung tên Lê Trần Gia H1 (nữ), sinh ngày 18/10/2011 cho bà Trần Thị Ngọc T3 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Minh T2 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Lê Minh T2 phải chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0004857 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ngọc T3 không phải nộp án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan

